

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 419 /2020/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2020 , giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: tổ 7, ấp An Hòa, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: ấp ..., xã D, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1977.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú : tổ ..., ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng N thống nhất đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh N có một con chung là Nguyễn Hoàng P sinh ngày 29/8/2005. Hiện nay chị T đang nuôi con. Chị T và anh N thỏa thuận thống nhất như sau:

- Chị T được quyền nuôi con sau ly hôn. Anh N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con mà không ai được ngăn cản.

- Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, chị T và anh N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: chị T và anh N trình bày không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình:

- Chị T và anh N mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 75.000 đồng. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình thay anh N. Anh N đồng ý để chị T chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình. Như vậy chị T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng.

- Số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng theo Biên lai số 008204 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã A1.
- Lưu hồ sơ vụ án.(NQ.Hung)
- GCNKH số 156 ngày 06/9/2004

Nguyễn Quốc Hưng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn. (vợ + chồng)
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).